

Bản án số: 90/2021/DS-ST

Ngày 07-9-2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang và ông Hoàng Minh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Trọng Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71b/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (*Viết tắt là Ngân hàng N*).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc; địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Y Phước A, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh thành phố G - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 549/NHNoĐNo-GN ngày 25/5/2020 của Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh thành phố G) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 49, đường T, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông;

- *Bị đơn:* Bà H'T và ông Y-N - Vắng mặt (*Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2*).

Địa chỉ: Bon N, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29-5-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27-4-2018, bà H' Thủy và ông Y-N vay của Ngân hàng N số tiền vay 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: 5307-LAV-201800442; mục đích cho vay: Chăm sóc cà phê và tiêu; phân kỳ trả nợ gốc như sau: Ngày 26-4-2019, trả 50.000.000 đồng; ngày 26-4-2020, trả 50.000.000 đồng, ngày 26-4-2021, trả 50.000.000 đồng; hạn trả nợ lãi 06 tháng/lần.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà H'T và ông Y-N thế chấp cho Ngân hàng N theo Hợp đồng thế chấp số: 245133815/HĐTC-2018 ngày 24-4-2018. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn T, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 092495 do UBND huyện Đ cấp ngày 09-4-2008; địa chỉ thửa đất: Bon B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Thửa đất số: 27, Tờ bản đồ: 66, Diện tích: 8011m², mang tên ông Y S đã tặng cho bà H'T từ tháng 5 năm 2017.

Sau khi vay nợ, bà H'T và ông Y-N đã không thực hiện đúng cam kết, không hợp tác trong việc trả nợ và đã bỏ đi khỏi địa phương. Do vậy, Ngân hàng N đã chuyển toàn bộ nợ vay của Hợp đồng tín dụng nêu trên sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết: Buộc bà H'T và ông Y-N phải trả nợ cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22-5-2020 là 184.458.333 đồng; trong đó: Nợ gốc là 150.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 34.458.333 đồng; đồng thời yêu cầu bà H'T và ông Y-N trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 22-5-2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng với mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà H'T và ông Y-N phải trả tổng số tiền là 209.904.110 đồng; trong đó: Số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 59.904.110 đồng, bao gồm: Lãi trong hạn là 50.547.945 đồng, lãi quá hạn là 9.356.164 đồng (tính đến ngày 07-9-2021);

Đồng thời yêu cầu bị đơn phải trả các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, kể từ ngày 22-5-2020 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Nếu bà H'T và ông Y-N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

Kết quả xác minh xác định bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bon B cũ (nay là bon N), xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nhưng hiện không sinh sống tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án do đến nhà không gặp nên Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà H'T và ông Y-N bằng hình thức niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà H'T và ông Y-N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung giải quyết vụ án, phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký

Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc là không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn bà H'T và ông Y-N trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ là 209.904.110 đồng; trong đó: Số tiền nợ gốc phải trả theo Hợp đồng tín dụng số: 5307-LAV-201800442, ngày 27-4-2018 là 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 59.904.110 đồng, bao gồm: Lãi trong hạn là 50.547.945 đồng, lãi quá hạn là 9.356.164 đồng (lãi suất tính đến ngày 07-9-2021); đồng thời yêu cầu bị đơn phải trả các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 07-9-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng với mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Bản sao Hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của ngân hàng, hồ sơ khách hàng; là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra, còn có một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của nguyên đơn, kết quả thông báo, triệu tập đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà H'T và ông Y-N trả số tiền gốc đã vay là 150.000.000 đồng và lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Do vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H'T và ông Y-N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon B cũ (nay là bon N), xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26-4-2019 bà H'T và ông Y-N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 29-5-2020 Ngân hàng khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[1.3]. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng các hình thức như trực tiếp (đối với nguyên đơn), niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đối với bị đơn) đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, bà H'T và ông Y-N không có mặt tại Tòa án để làm việc. Như vậy, bà H'T và ông Y-N đã tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H'T và ông Y-N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H'T và ông Y-N theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Bà H'T và ông Y-N có vay tiền của Ngân hàng N số tiền 150.000.000 đồng, thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số: 5307-LAV-201800442, ngày 27-4-2018, thời hạn vay là: 36 tháng kể từ hợp đồng tín dụng có hiệu lực đến 26-4-2021; lãi suất cho vay: 10%/năm; mục đích vay là chi phí sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng đời sống của gia đình. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N với bà H'T và ông Y-N có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N yêu cầu Tòa án buộc bà H'T và ông Y-N trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N với bà H'T và ông Y-N xác định số tiền vay, thời hạn trả nợ và lãi suất thỏa thuận như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng; Ngân hàng N đã giải ngân cho bà H'T và ông Y-N số tiền 150.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ gốc và nợ lãi bà H'T và ông Y-N không trả cho Ngân hàng N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng, vi phạm khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Mặc dù Ngân hàng đã làm việc và thông báo cho bà H'T và ông Y-N về việc nợ quá hạn, yêu cầu bà H'T và ông Y-N trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà H'T và ông Y-N không trả mà còn bỏ đi khỏi địa phương nên việc Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà H'T và ông Y-N trả nợ là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

[2.3]. Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả, phạt vi phạm giữa Ngân hàng N với bà H'T và ông Y-N theo hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi trên số tiền gốc mà bà H'T và ông Y-N còn nợ, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 209.904.110 đồng; trong đó: Số tiền nợ gốc phải trả theo Hợp đồng tín dụng số: 5307-LAV-201800442, ngày 27-4-2018 là 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 59.904.110 đồng, bao gồm: Lãi trong hạn là 50.547.945 đồng, lãi quá hạn là 9.356.164 đồng (*Lãi suất tính đến ngày 07-9-2021*); ngoài ra, bà H'T và ông Y-N còn phải trả lãi suất phát sinh từ ngày 07-9-2021 cho đến khi kết thúc việc trả nợ cho Ngân hàng N, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng mà bà H'T và ông Y-N đã ký kết với Ngân hàng.

[2.4]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 245133815/HĐTC-2018 ngày 24-4-2018) giữa Ngân hàng N với bà H'T và ông Y-N, thấy rằng: Việc thế chấp được lập thành văn bản, theo mẫu, có công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn

Văn T ngày 24-4-2018. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ ngày 27-4-2021. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 092495 do UBND huyện Đ cấp ngày 09-4-2008; địa chỉ thửa đất: Bon B cũ (nay là bon N), xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Thửa đất số: 27, Tờ bản đồ: 66, Diện tích: 8011m², mang tên ông Y S đã tặng cho bà H'T từ tháng 5 năm 2017. Việc thế chấp đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Điều 298, Điều 299, 317, 320 Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng thế chấp được lập giữa Ngân hàng N với bà H'T và ông Y-N là hợp pháp, yêu cầu của khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[3]. Về chi phí tố tụng:

3.1. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 2.450.000đ (*Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) nên buộc bà H'T và ông Y-N là phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.450.000đ (*Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*); hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền 550.000đ (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định còn lại tại Tòa án (*Tòa án đã trả*).

3.2. Về chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú do nguyên đơn chịu, được trừ số tiền nguyên đơn đã nộp cho các đơn vị đăng thông báo.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298; 299, 317, 320, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà H'T và ông Y-N phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền là 209.904.110đ (*Hai trăm linh chín triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm mười đồng*); trong đó: Số tiền nợ gốc phải trả là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền nợ lãi là 59.904.110đ (*Năm mươi chín triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm mười đồng*), bao

gồm: Lãi trong hạn là 50.547.945đ (Năm mươi triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng), lãi quá hạn là 9.356.164đ (Chín triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng) (lãi suất tính đến ngày 07-9-2021);

Trường hợp bà H'T và ông Y-N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 245133815/HĐTC-2018 ngày 24-4-2018);

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (07-9-2021) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định: Buộc bà H'T và ông Y-N là phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.450.000đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định còn lại tại Tòa án (Tòa án đã trả).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H'T và ông Y-N phải nộp 10.495.000đ (Mười triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Làm tròn). Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 4.611.000đ (Bốn triệu sáu trăm mười một nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001819, ngày 23-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Mã Thị Kỳ